TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:10 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2021
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Bà Lương Thị Thu An

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 175/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXX-ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngân T, sinh năm: 1984, địa chỉ cư trú tại: Tổ A, khu phố T, TT. C, huyện C1, tỉnh Bình Phước;(Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Bà T về yêu cầu chia tài sản: Ông Trần Hồng T , sinh năm: 1981, địa chỉ: Văn phòng Luật sư Hoàng Minh Bình Phước, số 491 QL 14, phường T , TP Đ , Bình Phước.(vắng mặt)

2.Bị đơn: Ông Phạm Thế H, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú tại: Tổ A, khu phố T, TT. C, huyện C1, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Ông H về yêu cầu chia tài sản: Anh Nguyễn Nam S , sinh năm: 1995, địa chỉ liên lạc: Số 213 Chu Văn An, phường A, quận B , TP.HCM. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật là ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng Thành Viên.

Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T1 – giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chơn Thành. (Theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐQT-PC ngày 19/6/2014 của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam) (xin vắng mặt)

*4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:**

4.1. Công ty TNHH Xây dựng cầu đường S, địa chỉ: Số 35, tổ 4, khu phố T , thị trấn C , huyện C1, tỉnh Bình Phước do Ông Phạm Thế H – giám đốc đại diện theo pháp luật; (Có mặt)

4.2. Ông Nguyễn Minh Đ , sinh năm: 1979, địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp Hiếu Cảm, TT. Ch , huyện C1, tỉnh Bình Phước.(Xin vắng mặt)

4.3. Bà Nguyễn Thị Lam T2, sinh năm: 1986, địa chỉ cư trú; Số 232/10 Cách mạng tháng 6, tổ 73, khu 11, phường P , Thành phố T , tỉnh Bình Dương.(Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngân T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngân T và Ông Phạm Thế H chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2000, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C , huyện C1, tỉnh Bình Phước năm 2002. Việc kết hôn và chung sống là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc lừa dối, tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau. Vợ chồng chung sống hạnh được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do Ông H không quan tâm đến vợ con. Nay Bà T xác định không còn tình cảm gì với Ông H nữa, có chung sống cũng không có hạnh phúc. Vì vậy, nay Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với Ông Phạm Thế H

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Phạm Thị Thùy T3, sinh ngày 24/9/2000 và Phạm Thúy V, sinh ngày 31/5/2003. Nay ly hôn Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Phạm Thúy V, sinh ngày 30/5/2003 và yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đồng/tháng. Đối với con chung tên Phạm Thị Thùy T3, sinh ngày 04/9/2000 hiện nay đã thành niên Bà T không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được tài sản chung bao gồm: 01 thửa đất diện tích 419,7m^2 tại tổ 04, khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng; Tài sản chung của vợ chồng có trong Công ty TNHH Xây dựng cầu đường S (thành lập năm 2014) bao gồm: 01 xe tải huyndai nhỏ biển số 54M-5951 tên đăng ký là Lương Ngọc D (xe mua lại ngày 08/8/2013 của ông Từ Phú Th, chưa sang tên); 01 xe tải lớn (không nhớ biển số), 01 xe Fotuner, biển kiểm soát 93A-06560, 02 xe ben lớn biển kiểm soát số 93C-05086 (giấy đăng ký xe mang tên công ty) và 61C-18366 (Công ty mua lại chưa sang tên), 04 xe cơ giới mua thanh lý lại của Công ty cao

su Sông Bé, 01 xe lu; Số tiền 600.000.000đồng tiền mặt và 1 cây vàng SJC (do Ông H quản lý); Số tiền 10.000.000.000 đồng góp vốn vào Công ty TNHH Xây dựng cầu đường S do Ông H quản lý; Lợi nhuận thu được của công ty Công ty TNHH Xây dựng cầu đường S từ năm 2017 đến nay là 2.000.000.000 đồng do anh Hùng quản lý. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà T yêu cầu yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

+ Về thửa đất có diện tích 419,7m^2 thì Bà T yêu cầu chia làm 04 phần, yêu cầu được chia giá trị bằng ¾ giá trị đất và chia cho Ông H ¼ giá trị đất vì thửa đất này có nguồn gốc thửa đất là năm 2001 được mẹ cho riêng số tiền 2200USD để mua 5m ngang đất mặt tiền đường QL 14 x dài khoảng 45m, thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Thị Ngân Thủy . Năm 2008 khi Nhà Nước đo đạc chính quy cấp đổ sổ đỏ lại thì thửa đất mang tên Nguyễn Thị Ngân T và Phạm Thế H . Đến năm 2014 vợ chồng dùng tiền tích góp mua thêm 5m ngang đất bên cạnh nhập với thửa đất trước nên thành thửa đất có diện tích 419,7m^2 đất như hiện nay.

+ Về tài sản có trên đất là căn nhà xây dựng năm 2002 có nguồn tiền do mẹ của Bà T gửi về cho để xây nhà cấp 4, tiền xây nhà hết bao nhiêu thì bà T không nhớ. Đến năm 2010 vợ chồng dùng tiền để sửa và tu bổ thêm thành căn nhà như hiện nay. Như vậy, Bà T yêu cầu chia tài sản trên đất và yêu cầu được chia 60% giá trị, chia cho Ông H 40% giá trị. Bà T yêu cầu được nhận bằng tài sản là đất và nhà và tài sản trên đất, có trách nhiệm thanh toán cho Ông H giá trị chênh lệch bằng tiền.

+ Còn các tài sản chung của vợ chồng có trong Công ty TNHH Xây dựng cầu đường S thì Bà T yêu cầu chia đôi bằng giá trị và Bà T nhận bằng giá trị tiền, còn giao cho Ông H các tài sản này.

+ Đối với số tiền 600.000.000đồng tiền mặt và 1 cây vàng SJC do Ông H quản lý thì yêu cầu chia đôi, buộc Ông H trả ½ số tiền này. Số tiền này do vợ chồng tích góp nhiều năm có được và Ông H là người cất giữ Bà T không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh vì toàn bộ do Ông H làm và lưu giữ tại công ty.

+ Đối với số tiền 10.000.000.000 đồng góp vốn vào Công ty TNHH Xây dựng cầu đường S và số tiền lợi nhuận 2.000.000.000 đồng thì Bà T yêu cầu chia ½ , mỗi người 6.000.000.000đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện có nợ chung của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn CN Chơn Thành số tiền 400.000.000 đồng, có thế chấp quyền sử dụng đất, nhà đứng tên 2 vợ chồng. Số tiền này vợ chồng vay để góp vốn vào lúc thành lập công ty. Ngoài ra không còn nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ chung. Về nợ chung Bà T yêu cầu vợ chồng mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Chơn Thành.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, Bà T nộp Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản, cụ thể không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản

chung của vợ chồng với lý do đã tự thỏa thuận được với nhau. Về nợ chung thì cùng đã thỏa thuận trả nợ xong, hiện vợ chồng không còn nợ ai.

Bị đơn Ông Phạm Thế H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H thống nhất như lời trình bày của Bà T về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn. Sau thời gian tìm hiểu Ông H và Bà T quyết định chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống thì khoảng 04 năm trở lại đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cũng có khi xảy ra cãi vã, đánh đập nhau nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm qua lại với nhau, nay Bà T yêu cầu ly hôn thì Ông H đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc.

Về con chung: Ông H thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Thùy T3, sinh ngày 24/9/2000 và Phạm Thúy V, sinh ngày 31/5/2003. Nay, vợ chồng ly hôn Ông H thống nhất giao con chung Phạm Thúy V, sinh ngày 31/5/2003 cho Bà T trực tiếp nuôi con và Ông H không cấp dưỡng nuôi con. Đối với chung tên Phạm Thị Thùy T3, sinh ngày 24/9/2000 hiện nay đã thành niên Ông H thống nhất không yêu cầu giải quyết mà sẽ có trách nhiệm với con.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông H không thống nhất như yêu cầu của Bà T, cụ thể: Ông H thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất có diện tích 419,7m^2 ,tọa lạc tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Trên đất có 01 căn nhà do vợ chồng xây dựng và sửa chữa. Còn các tài sản khác thì Ông H không thống nhất là tài sản chung của vợ chồng. Đối với số tiền 600.000.000đồng tiền mặt và 1 cây vàng SJC thì Ông H không quản lý mà do Bà T quản lý. Đối với số vốn 10.000.000.000 đồng góp vốn vào Công ty TNHH Xây dựng cầu đường S là không có. Đối với lợi nhuận của công ty từ năm 2017 của công ty đến nay Ông H không biết bao nhiêu nếu có thì cũng đã sử dụng hết vào chi tiêu cho gia đình. Về yêu cầu phân chia tài sản chung thì Ông H không đồng ý như ý kiến của Bà T, những tài sản nào là tài sản chung của vợ chồng thì Ông H yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị, còn các tài sản khác thì không đồng ý.

Về nợ chung: Thống nhất vợ chồng có vay của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Chơn Thành và có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất có diện tích 419.7m^2 với số tiền vay là 400.000.000đồng, thời gian vay tiền bắt đầu vay khoảng vào năm 2004 và được đáo hạn hàng năm, hiện nay vẫn chưa trả khoản nợ này. Mục đích vay số tiền này sử dụng làm nhà năm 2005 và dùng để sửa chữa và nâng cấp nhà ở vào khoảng thời gian khoảng năm 2008. Ông H thống nhất vợ chồng mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ cho Ngân hàng.

Nay Bà T có đơn rút yêu cầu không đề nghị giải quyết về việc phân chia tài sản và nợ thì Ông H cũng thống nhất vì Ông H và Bà T đã tự thỏa thuận việc phân chia tài sản chung, về nợ chung thì Ông H đã trả nợ xong hiện không còn nợ ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ngày 08/3/2017 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Chơn Thành, Bình Phước có cho Ông H, Bà T vay số tiền 400.000.000đồng, thời hạn vay 1 năm. Khi vay Ông H, Bà T có thế chấp thửa đất số 20, tờ bản đồ 43, diện tích 419,7m^2, tọa lạc tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 219782 do UBND huyện Chơn Thành cấp ngày 28/3/2014 mang tên Bà Nguyễn Thị Ngân T và Ông Phạm Thế H. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn hợp đồng vay nhưng Ông H, Bà T không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Ông H, Bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 400.000.000đồng và tiền lãi 13.250.000đồng (tạm tính đến ngày 06/6/2018) và yêu cầu trả lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, Ngân hàng đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa vì Ông H, Bà T đã trả toàn bộ nợ vay và lãi suất cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông Đ không có ý kiến gì trong vụ án và có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty xây dựng cầu đường S – do Ông H đại diện trình bày: Tài sản của công ty xây dựng cầu đường Sông Mã không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản của công ty, do đó, không đồng ý theo yêu cầu của Bà T. Nay Bà T rút yêu cầu không yêu cầu giải quyết đối với tài sản có trong công ty thì phía công ty không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Lam T2 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Trước đây bà T2có sang nhượng cho công ty TNHH Cầu đường Sông Mã 01 chiếc xe ô tô hiệu Huynhdai biển số 61C-183-66, có làm hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng Thủ Dầu Một , tỉnh Bình Dương mà không ký hợp đồng thuê xe cho công ty. Hiện tại bà Trang không liên quan gì đối với chủ sở hữu xe ô tô này và không liên quan gì đến Ông H, Bà T. Đồng thời bà T2 có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Bà T giữ nguyên nội dung đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản đồng thời rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề về yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn thì Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bị đơn Ông H thống nhất với nội dung rút yêu cầu về việc chia tài sản và nợ chung và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Các đương sự thực hện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72,73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngân Thủy, công nhận thuận tình ly hôn giữa Bà T và Ông H; Về con chung: Giao con chung Phạm Thúy V, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2003 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn Bà T. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngân T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn Ông Phạm Thế H có nơi cư trú tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét đơn rút yêu cầu khởi kiện của các đương sự

[3.1]. Về việc rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngân T, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vợ chồng đã tự thỏa thuận được việc phân chia. Xét thấy, việc Bà T rút toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, Ông H cũng thống nhất vì vợ chồng đã tự thỏa thuận việc phân chia với nhau. Do đó, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của Bà T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Về việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2017. Xét thấy, việc rút yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là hoàn toàn tự nguyện và Bà T, Ông H cũng thống nhất vì đã trả xong số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Ngân T.

[4.1].Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngân T và Ông Phạm Thế H chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2000, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước năm 2002. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống Bà T và Ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được Bà T và Ông H xác định do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cải vã nhau, trong thời gian dài vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, mạnh ai người đó sống. Nay Bà T yêu cầu ly hôn Ông H cũng thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, cả Bà T và Ông H đều thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài do đó cần chấp nhận yêu cầu của Bà T, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà T và Ông H.

[2.2].Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Phạm Thị Thùy T3, sinh ngày 24/9/2000 và Phạm Thúy V, sinh ngày 31/5/2003. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bà T và Ông H thống nhất giao con chung Phạm Thúy V, sinh ngày 30/5/2003 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đối với con chung tên Phạm Thị Thùy T3, sinh ngày 04/9/2000 hiện nay đã thành niên Bà T không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Xét thấy, Việc thỏa thuận của Bà T, Ông H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Vy, do đó ghi nhận sự thỏa thuận giao con chung Phạm Thúy V, sinh ngày 31/5/2003 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn, đối với tên Phạm Thị Thùy T3 hiện nay đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa Bà T rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Ông H cũng thống nhất. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về án phí sơ thẩm

[5.1]. Về án phí hôn nhân gia đình: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngân T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5.2] Về án phí dân sự có giá ngạch:

Do nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngân T rút toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản khi ly hôn nên được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam rút toàn bộ yêu cầu độc lập về tranh chấp hợp đồng tín dung nên được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của đại diện VKS tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218; các Điều 147, 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngân T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Ngân T và Ông Phạm Thế H.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thúy V, sinh ngày 31/5/2003 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Ngân T.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2017.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngân T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0008739 ngày 13/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trả lại cho Bà Nguyễn Thị Ngân T số tiền 17.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008738 ngày 13 tháng 6 năm 2017 và số tiền 57.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003889 ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 10.265.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009475 ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh – VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;*
- *UBND thị trấn C, huyện C1,*
Tỉnh Bình Phước;
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS+VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà